TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN A** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 959/2019/QĐST- HNGĐ	*A, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A - THÀNH PHỐ H

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 894/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1964

Địa chỉ: 55 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận A, Tp.H.

ÔngTrần Công Th, sinh năm 1959

Địa chỉ: 55 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hòa, quận A, Tp.H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà N và ông Th tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường 10, Quận 5 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/87, ngày 05/01/1987.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung bình thường hạnh phúc, vợ chồng chung sống tới cuối năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, ngoài ra mâu thuẫn về kinh tế nên hai bên thường xuyên tranh cãi. Nay nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, nục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên yêu cầu thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên khai không có 02 con chung là Trần Đức T, sinh năm 1990 và Trần Nguyễn Phước T2, sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

[4] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Th thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của N và ông Th chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/87, ngày 05/01/1987 do Uỷ ban nhân dân phường10, Quận 5, Tp.HCM cấp cho N và ông Th không còn giá trị.

2. Về quan hệ con chung: Hai bên khai có 02 con chung là Trần Đức T, sinh năm 1990 và Trần Nguyễn Phước T2, sinh năm 1991. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

3. Về lệ phí hôn nhân gia đình: là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng). Bà N và ông Th mỗi người chịu 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do bà N và ông Th đã nộp theo biên lai số 0012705 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A. Bà N và ông Th đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. A;
- UBND;
- Lưu; Hồ sơ việc dân sự (H)

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh H